

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 963/QĐ-CĐKTKT-TS ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
1	Chu Thị Quỳnh	Anh	24/06/1998	Nữ	Kinh	Nghi Phương, Nghi Lộc, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
2	Nịnh Thị Phương	Châm	20/07/2002	Nữ	Sán chí	Sơn Pháng, Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
3	Giang Mạnh	Đình	08/09/1997	Nam	Kinh	Nà Chiêng, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
4	Lục Thị	Dung	07/03/1995	Nữ	Tày	Thọ Thế, Triệu Sơn, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
5	Trương Thị	Dung	10/03/1997	Nữ	Thổ	Nghĩa Lâm, Nghĩa Đàn, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
6	Lại Thị	Giang	09/12/1997	Nữ	Kinh	Mỹ Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
7	Lưu Thị Ngọc	Hân	09/12/2002	Nữ	Tày	Đồng Rôm, Phú Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
8	Dương Thị	Hiền	07/06/1998	Nữ	Dao	Hoàng Nông, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
9	Đặng Thị	Hiệp	07/09/1997	Nữ	Tày	Tân Thanh, Văn Lãng, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
10	Hoàng Thị	Hoa	06/10/1998	Nữ	Tày	Bình Xa, Hàm Yên, Tuyên Quang	TN THPT; HK: K	
11	Vũ Thị	Hoàn	05/04/1996	Nữ	Kinh	Đông Mai, Quảng Yên, Quảng Ninh	TN THPT; HK: T	
12	Hoàng Thị Thu	Hương	03/08/1999	Nữ	Tày	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
13	Vũ Mai	Hương	03/06/1997	Nữ	Kinh	Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
14	Đào Thị	Huyền	17/12/1994	Nữ	Tày	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
15	Hoàng Thị	Linh	01/01/1996	Nữ	Nùng	Liên Hội, Văn Quan, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
16	Phạm Thị	Linh	10/09/1997	Nữ	Kinh	Quỳnh Ngọc, Quỳnh Lưu, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
17	Đồng Thị	Minh	08/03/1998	Nữ	Kinh	Xuân Phương, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
18	Lê Thị Trà	My	16/12/1998	Nữ	Kinh	Đông Ninh, Đông Sơn, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
19	Nguyễn Thị	Như	08/07/1997	Nữ	Kinh	Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An	TN THPT; HK: K	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
20	Lư Hồng	Nhung	26/12/1999	Nữ	Tày	Tân Lập, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
21	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/10/1998	Nữ	Kinh	Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
22	Hồ Thị	Oanh	22/07/1996	Nữ	Kinh	Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
23	Vũ Văn	Phúc	10/10/1999	Nam	Kinh	Tổ 5, Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
24	Đinh Thị	Phương	05/11/2000	Nữ	Mường	Yên Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
25	Nguyễn Bích	Phượng	28/05/1998	Nữ	Tày	Gia Cát, Cao Lộc, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
26	Dương Thị	Quỳnh	16/06/1998	Nữ	Kinh	Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
27	Lê Thị Như	Quỳnh	22/08/2000	Nữ	Kinh	Thạch Khoán, Thanh Sơn, Phú Thọ	TN THPT; HK: K	
28	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/06/2001	Nữ	Kinh	Phượng Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
29	Ngô Thị	Sinh	29/12/2001	Nữ	Kinh	Quyết Tiến 2, Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
30	Hoàng Thị	Thái	27/09/2000	Nữ	Thái	Nghĩa Lợi, Nghĩa Lộ, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
31	Lê Phương	Thanh	01/12/1998	Nữ	Kinh	An Sơn, An Bình, Lạc Thủy, Hòa Bình	TN THPT; HK: K	
32	Nguyễn Thu	Thảo	15/10/2001	Nữ	Kinh	Nhã Lộng, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
33	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/06/1996	Nữ	Kinh	Tổ 4, P. Thịnh Đán, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
34	Nguyễn Phương	Thảo	02/01/1996	Nữ	Kinh	Nam Lĩnh, Nam Đàn, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
35	Nguyễn Thị Kim	Thoa	13/03/2002	Nữ	Nùng	Sơn Quang, Hóa Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
36	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	23/01/2000	Nữ	Kinh	Tạ Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
37	Trần Thị	Tư	14/07/1997	Nữ	Kinh	Vô Điểm, Bắc Quang, Hà Giang	TN THPT; HK: T	
38	Lê Thị Ánh	Tuyết	28/09/1992	Nữ	Kinh	Trung Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
39	Nguyễn Thị	Vân	14/09/1994	Nữ	Kinh	Hương Giang, Hương Khê, Hà Tĩnh	TN THPT; HK: T	
40	Lục Thị Hồng	Vân	22/01/1985	Nữ	Sán Dìu	Xóm 8, Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
41	Lò Thị	Yến	02/09/1998	Nữ	Thái	Khổng Lào, Phong Thổ, Lai Châu	TN THPT; HK: T	

Ấn định danh sách: 41 thí sinh/16/2022

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 963/QĐ-CDKTKT-TS ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2002	Nam	Kinh	Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
2	Diệp Văn	Anh	29/05/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Bìa, Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
3	Lục Việt	Anh	08/06/1999	Nam	Sán dìu	Bình Sơn, Sông Công, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
4	Nguyễn Văn	Bắc	22/05/2000	Nam	Kinh	Thôn Đồng Giang, Thanh Sơn, Sơn Động, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
5	Dương Ngọc	Ban	31/07/1999	Nam	Kinh	Cây Thị, Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
6	Mà Đình	Bằng	06/10/2002	Nam	Tày	Xóm Đồng Cốc, Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
7	Lý Văn	Biên	28/07/2002	Nam	Sán Dìu	Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
8	Đỗ Văn	Bình	01/09/2002	Nam	Kinh	Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
9	Nguyễn Đức	Cảnh	09/03/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
10	Dương Ngọc	Chiến	04/06/2002	Nam	Kinh	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
11	Nguyễn Văn Nam	Chiều	11/09/2002	Nam	Tày	Phượng Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
12	Lê Văn	Chính	27/11/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Bìa, Thành Công, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
13	Phạm Thành	Công	21/09/2002	Nam	Sán Dìu	An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
14	Vũ Văn	Công	14/01/2002	Nam	Kinh	Điềm Thụy, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
15	Ma Tiến	Cường	14/06/2002	Nam	Tày	Làng Phầy, Sơn Phú, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
16	Nguyễn Văn	Đăng	12/06/2002	Nam	Kinh	Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
17	Hoàng Hải	Đăng	06/04/2002	Nam	Tày	Xóm Lợi B, Phượng Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
18	Dương Văn	Đạt	03/09/2002	Nam	Tày	Thanh Yên 2, Vũ Lăng, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
19	Ngô Anh	Đạt	12/02/2002	Nam	Kinh	Xóm 6, Xã Tân Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
20	Nguyễn Văn	Đạt	06/04/2002	Nam	Kinh	Tân Khánh, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
21	Trần Thế	Đạt	24/03/2001	Nam	Nùng	Lạng San, Na Rì, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
22	Triệu Tiến	Đạt	10/07/2002	Nam	Tày	Xã Mỹ Gia, Yên Bình, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
23	Đình Công	Doanh	06/10/2002	Nam	Kinh	Xóm Ngô Thái, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
24	Dương Duy	Đông	25/09/2002	Nam	Kinh	Úc Kỳ, Diêm Thụy, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
25	Tạ Đình	Đồng	13/09/2001	Nam	Kinh	Xóm Vôi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
26	Lê Văn	Dự	13/02/2002	Nam	Sán Dìu	Vạn Phú, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
27	Nguyễn Văn	Đức	05/07/2002	Nam	Kinh	Yên Hòa, Bình Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
28	Nguyễn Văn	Dũng	20/05/2002	Nam	Kinh	Xóm 4, Phúc Thuận, PY, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
29	Đào Trọng	Dương	24/08/2002	Nam	Sán Dìu	An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
30	Nguyễn Văn	Dương	14/01/2002	Nam	Kinh	Trại Vàng, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
31	Dương Nghĩa	Dương	15/11/2002	Nam	Kinh	Tân Kim, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
32	Nguyễn Thành	Duy	25/10/2002	Nam	Sán Dìu	An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
33	Hoàng Hà Văn	Duy	07/05/2001	Nam	Tày	Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
34	Trần Quốc	Duy	22/10/2002	Nam	Sán Dìu	Na Lang 1, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
35	Diệp Trường	Giang	19/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Bìa, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
36	Nhạc Xuân	Giang	28/06/2000	Nam	Nùng	Quang Tiến, Vũ Lễ, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
37	Lưu Văn	Giáp	10/11/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Chội, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
38	Phạm Thành	Giáp	15/12/2002	Nam	Kinh	Phúc Long, Bắc Sơn, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
39	Lê Quang	Hải	26/10/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Tân Bình, An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
40	Dương Công	Hiệp	06/07/2001	Nam	Sán Dìu	Thai Thèn Bạ, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
41	Lục Văn	Hiệp	09/09/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Hạ, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
42	Ma Thanh	Hiếu	23/11/2002	Nam	Tày	Hợp Tiến, Phú Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
43	Phạm Trung	Hiếu	02/01/2002	Nam	Tày	An Thịnh, Đồng Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
44	Nguyễn Trung	Hiếu	23/05/2002	Nam	Kinh	Cát Nè, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
45	Nguyễn Văn	Hiếu	04/10/2002	Nam	Kinh	La Tú, Tân Khánh, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
46	Nguyễn Văn	Hòa	23/10/2002	Nam	Kinh	Xóm Vầu, Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
47	Trần Đức	Hoàn	24/08/2002	Nam	Kinh	Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
48	Dương Việt	Hoàng	01/08/1999	Nam	Dao	Xóm Khe Nát, Yên Đỗ, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
49	Vi Văn	Hoàng	26/11/2000	Nam	Nùng	Bản Kham, Hạnh Phúc, Quảng Uyên, Cao Bằng	TN THPT; HK: K	
50	Bùi Ngọc	Hoàng	01/02/2002	Nam	Tày	Đồng Vinh 2, Diêm Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
51	Lý Văn	Huân	02/03/2002	Nam	Sán chỉ	Xóm Hưng Bào 3, Quy Kỳ Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
52	Hoàng Phi	Hùng	12/04/2002	Nam	Nùng	Khu 4, TT Thất Khê, Trảng Định, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
53	Vương Văn	Hưởng	10/10/2002	Nam	Tày	Thôn 7, Xuân Long, Yên Bình, Yên Bái	TN THPT; HK: K	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
54	Nguyễn Ngọc	Huy	09/07/2002	Nam	Kinh	Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
55	Phùng Đức	Huy	06/02/2002	Nam	Nùng	Sơn Đông, Sơn Phú, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
56	Hoàng Văn	Kiên	23/10/2002	Nam	Tày	Thống Nhất 1, Quy Kỳ, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
57	Nguyễn Văn	Kỳ	26/09/2002	Nam	Kinh	Tiến Lập, Đồng Tâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
58	Lê Văn	Linh	01/05/2002	Nam	Kinh	Cổ Lũng, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
59	Ma Quang	Long	01/04/2002	Nam	Tày	Xóm Rẻo Cái, Bình Yên, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
60	Hà Phi	Luân	01/09/1996	Nam	Kinh	Tổ 4, Quan Triều, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
61	Lê Văn	Lượng	18/02/2001	Nam	Kinh	Hồng Thái, Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
62	Lê Văn	Mạnh	20/05/2002	Nam	Sán Dìu	Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
63	Lưu Đức	Mạnh	31/08/2002	Nam	Tày	Xóm Cốc Móc, Linh Thông, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
64	Nguyễn Văn	Mong	08/12/2002	Nam	Kinh	Quyết Thắng, Đồng Tâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
65	Nịnh Công	Mùi	17/10/1998	Nam	Sán chí	Như Cổ, Chợ Mới, Bắc Kạn	TN THPT; HK: K	
66	Nhữ Văn	Nam	13/11/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
67	Vũ Văn	Nga	21/03/2002	Nam	Tày	Phượng Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
68	Ngô Văn	Ngọc	01/10/2002	Nam	Tày	Sơn Vĩnh, Sơn Phú, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
69	Trần Trọng	Phúc	11/11/1991	Nam	Sán Dìu	Xóm Hòa, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: T	
70	Đỗ Hồng	Quân	02/07/2002	Nam	Kinh	Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
71	Nguyễn Văn	Quân	23/11/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
72	Phùng Anh	Quân	03/10/2002	Nam	Dao	Lục Liêu, Thanh Phát, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
73	Hoàng Anh	Quân	17/06/2002	Nam	Tày	Xã Diêm Mạc, Diêm Mạc, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
74	Nguyễn Mạnh	Quân	20/01/2002	Nam	Kinh	Xóm Soi, Đông Cao, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
75	Trần Minh	Quang	03/06/2002	Nam	Kinh	Minh Lãng, Vũ Thư, Thái Bình	TN THPT; HK: T	
76	Nguyễn Như	Quyền	02/02/2002	Nam	Kinh	Đồng Đèo, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
77	Lưu Ngọc	Quyền	03/02/2002	Nam	Nùng	Tân Dương, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
78	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	13/11/2001	Nam	Sán Dìu	Na Lạng 1, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
79	Nguyễn Văn	Quỳnh	11/08/1998	Nam	Kinh	Xóm Chám, Đào Xá, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
80	Dương Văn	Sinh	19/05/2002	Nam	Kinh	Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
81	Ân Văn	Sơn	12/06/2002	Nam	Sán Dìu	Sim Lông, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
82	Đặng Xuân	Sơn	18/03/2001	Nam	Kinh	Xóm Diêm 1, Úc Kỳ, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
83	Lý Thanh	Sơn	02/09/2002	Nam	Tày	Bản Bắc, Diêm Mạc, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
84	Lại Xuân	Sỹ	24/04/2002	Nam	Sán Dìu	TDP Trung- Bắc Sơn, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
85	Nguyễn Trung	Tá	23/07/2002	Nam	Kinh	Tiến Lập, Đồng Tâm, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
86	Trần Văn	Thanh	10/07/2002	Nam	Kinh	Úc Kỳ, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
87	Nguyễn Văn	Thiện	03/07/2002	Nam	Kinh	Xóm Diên Dương, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
88	Nguyễn Doãn	Thiệu	17/11/2002	Nam	Kinh	Xóm 7, Tân Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
89	Ma Trung	Thu	21/09/2002	Nam	Tày	Lương Bằng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
90	Trần Đình	Thường	08/06/2002	Nam	Kinh	Đồng Đông, Thành Công, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
91	Nguyễn Văn	Thụy	12/10/2002	Nam	Kinh	Xóm Tam Xuân, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
92	Dương Chính	Tĩnh	30/10/2002	Nam	Kinh	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
93	Dương Thanh	Toàn	11/06/2002	Nam	Kinh	Xóm Thương Vụ 1, Xã Thành Công, Phở Yên, Thái	TN THPT; HK: T	
94	Nguyễn Văn	Trần	27/02/2002	Nam	Sán Dìu	Xóm Hạ, Phúc Thuận, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
95	Đào Xuân	Trường	25/10/2002	Nam	Sán Dìu	Hợp Thịnh, Ninh Lạc, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: K	
96	Dương Văn	Trường	24/08/2002	Nam	Kinh	Tam Xuân, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
97	Phạm Văn	Trường	07/02/2001	Nam	Kinh	Khánh Cường, Yên Khánh, Ninh Bình	TN THPT; HK: K	
98	Phùng Văn	Tú	22/05/2002	Nam	Sán Dìu	Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
99	Trịnh Xuân	Tú	24/01/2002	Nam	Kinh	Tổ 15 Phường Tân Thịnh, Tp Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
100	Dương Văn	Tuấn	13/04/2002	Nam	Kinh	Xóm Xuồm, Dương Thành, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
101	Đặng Văn	Tuấn	16/01/2002	Nam	Kinh	Xóm 7, Tân Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
102	Mông Chí	Tuấn	03/08/2002	Nam	Tày	Đồng Duyên, Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
103	Dương Văn	Tuấn	24/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Cầu Cát, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
104	Phạm Hùng	Vĩ	17/12/2002	Nam	Kinh	TDP Trung- Bắc Sơn, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
105	Lê Văn	Việt	05/12/2002	Nam	Kinh	Xóm Tân Thành, Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
106	Ma Văn	Vũ	24/03/2001	Nam	Kinh	Vựa Trong, Phong Vân, Lục Ngạn, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
107	Đỗ Thanh	Vượng	13/01/2002	Nam	Tày	Tin Keo, Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	

Ấn định danh sách: 107 thí sinh / *Nguyen*